

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu
thống kê quốc gia của Luật Thống kê**

Kính gửi: Quốc hội

Ngày 06/9/2021, Chính phủ đã có Tờ trình Quốc hội số 322/TTr-CP về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê (sau đây gọi chung là Luật Thống kê sửa đổi). Căn cứ Thông báo số 155/TB-TTKQH ngày 20/9/2021 của Tổng Thư ký Quốc hội về Kết luận số 01 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 3, tháng 9/2021, Chính phủ đã tiếp thu, giải trình, làm rõ 07 nội dung chung; tiếp thu 09 nhóm ý kiến và giải trình 13 nhóm ý kiến liên quan đến Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Chính phủ báo cáo Quốc hội cụ thể như sau:

I. Nội dung tiếp thu, giải trình

1. Luật Thống kê hiện hành chưa có quy định rõ về chế độ kiểm toán nhà nước đối với thống kê Nhà nước và kiểm toán đối với các dịch vụ thống kê ngoài Nhà nước. Chế độ giám sát của Quốc hội về số liệu thống kê quốc gia; tính minh bạch, công khai rất hạn chế

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ báo cáo, giải trình một số nội dung cụ thể như sau:

a) Đối với nội dung Luật Thống kê chưa có quy định rõ về chế độ kiểm toán nhà nước đối với thống kê Nhà nước và kiểm toán đối với dịch vụ thống kê ngoài Nhà nước

- Kiểm toán nhà nước đối với thống kê Nhà nước: Được thực hiện theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước năm 2019. Theo đó, đối tượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán (*Điều 4 Luật Kiểm toán nhà nước*). Đồng thời, Kiểm

toán Nhà nước có nhiệm vụ quyết định kế hoạch kiểm toán hàng năm và báo cáo Quốc hội trước khi thực hiện.

Thực hiện pháp luật về kiểm toán, định kỳ Kiểm toán Nhà nước tiến hành kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của Tổng cục Thống kê và cơ quan thống kê cấp tỉnh.

Thực tiễn trên thế giới chưa có quốc gia nào thực hiện việc kiểm toán đối với số liệu thống kê vì thông tin thống kê phản ánh các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn trong một giai đoạn nhất định (*khác biệt với kiểm toán*).

- Kiểm toán đối với dịch vụ thống kê ngoài Nhà nước (như dịch vụ thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển thị trường của tổ chức, cá nhân,...): Hoạt động thống kê ngoài thống kê nhà nước hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm (điểm b khoản 2 Điều 5); không sử dụng tài chính công, tài sản công; trong quá trình hoạt động chịu sự điều chỉnh của pháp luật hiện hành về dân sự, kinh tế,... không chịu sự điều chỉnh của pháp luật về kiểm toán nhà nước.

b) Đối với nội dung chế độ giám sát của Quốc hội về số liệu thống kê quốc gia

Hiến pháp năm 2013 đã quy định rõ quyền và thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội đối với việc tuân thủ Hiến pháp, Luật và Nghị quyết của Quốc hội, trong đó có Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc giám sát hoạt động thống kê, chất lượng số liệu thống kê được thực hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền như: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ,... (cụ thể thực hiện theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13).

c) Đối với nội dung về tính minh bạch, công khai rất hạn chế

Luật Thống kê đã có những quy định về tính công khai, minh bạch của hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê, cụ thể:

- “*Công khai, minh bạch*” là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê nhà nước (điểm d khoản 1 Điều 5).

- “*Thông tin thống kê đã được công bố theo quy định của Luật này phải được phổ biến kịp thời, đầy đủ, rộng rãi, công khai, minh bạch*” (khoản 1 Điều 49).

Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 49 quy định “*Lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước là biểu thời gian ấn định việc phổ biến thông tin thống kê thuộc các hệ*

thống chỉ tiêu thống kê do người có thẩm quyền công bố thông tin thống kê xây dựng và công khai”.

Thực hiện các quy định này, thông tin thống kê đã được công bố, phổ biến, cung cấp công khai, minh bạch cho các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đối tượng dùng tin theo các hình thức: (1) Trang thông tin điện tử của cơ quan thuộc hệ thống thống kê nhà nước; trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước; (2) Hợp báo, thông cáo báo chí; (3) Phương tiện thông tin đại chúng; (4) Xuất bản ấn phẩm, các hình thức lưu giữ thông tin điện tử.

Nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, Chính phủ đề xuất giữ nguyên quy định của Luật Thống kê hiện hành và tiếp tục nghiên cứu, chưa quy định các nội dung này trong dự án Luật Thống kê sửa đổi. Để nâng cao tính công khai, minh bạch, Chính phủ sẽ đẩy mạnh việc công bố, phổ biến thông tin thống kê đến các đối tượng dùng tin theo quy định.

2. Luật chưa có những quy định cụ thể về dịch vụ thống kê, hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê ngoài hệ thống thống kê nhà nước

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ báo cáo, giải trình một số nội dung cụ thể như sau:

a) Đối với nội dung Luật chưa có quy định cụ thể về dịch vụ thống kê

Luật Thống kê đã có những quy định liên quan đến dịch vụ thống kê, cụ thể như sau:

- Phạm vi của hoạt động thống kê ngoài thống kê nhà nước bao gồm: “(1) Thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích, dự báo thông tin thống kê phục vụ nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và nhu cầu hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân hoặc của tổ chức, cá nhân khác. (2) Thực hiện hoạt động dịch vụ thống kê” (Điều 67).

- Hoạt động thống kê nhà nước là hoạt động công, phi thị trường, cung cấp thông tin miễn phí cho các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định. Nội dung này được quy định xuyên suốt trong các quy định tại Luật Thống kê. Mục đích của hoạt động thống kê nhà nước nhằm phục vụ Đảng, Nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, quy hoạch chính sách, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Dịch vụ thống kê là định hướng lớn, cần phải được nghiên cứu một cách tổng thể và toàn diện, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu và đề nghị chưa quy định những nội dung này trong dự án Luật Thống kê sửa đổi.

b) *Đối với nội dung Luật chưa có quy định cụ thể về hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê ngoài hệ thống thống kê nhà nước.*

Luật Thống kê đã quy định về hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê ngoài thống kê nhà nước. Cụ thể về: Mục đích của hoạt động thống kê ngoài thống kê nhà nước (khoản 2 Điều 4); nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê ngoài thống kê nhà nước (khoản 2 Điều 5); kinh phí cho hoạt động thống kê ngoài thống kê nhà nước (khoản 2 Điều 9); các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê ngoài thống kê nhà nước (khoản 2 Điều 10); quy định về hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê ngoài thống kê nhà nước tại Chương VIII với các nội dung về phạm vi của hoạt động thống kê ngoài thống kê nhà nước (Điều 67); yêu cầu đối với hoạt động thống kê ngoài thống kê nhà nước (Điều 68); giá trị của thông tin thống kê ngoài thống kê nhà nước (Điều 69).

Chính phủ đề xuất giữ nguyên quy định của Luật Thống kê hiện hành và chưa bổ sung các quy định khác liên quan đến nội dung này trong dự án Luật Thống kê sửa đổi.

3. Luật chưa có cơ chế Nhà nước đặt hàng cho các tổ chức do Đảng, Nhà nước thành lập và giao nhiệm vụ thực hiện thống kê, như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam,...; chưa có cơ chế ủy thác hoặc đặt hàng cho những tổ chức này cung cấp các số liệu thống kê cho thống kê Nhà nước

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ báo cáo, giải trình một số nội dung cụ thể như sau:

- Luật Thống kê đã quy định về hoạt động thống kê tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung, thực hiện điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật (Điều 65).

- Việc xây dựng cơ chế ủy thác, đặt hàng cho các tổ chức do Đảng, Nhà nước thành lập và giao nhiệm vụ thực hiện thống kê, như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam,... cung cấp các số liệu thống kê cho thống kê nhà nước là định hướng cần được nghiên cứu kỹ, toàn diện; phải tính đến đặc thù chuyên môn sâu, phức tạp về nghiệp vụ thống kê; phải bảo đảm số liệu thu thập chính xác, kịp thời, đầy đủ phục vụ nhu cầu thông tin của Đảng,

Nhà nước; tính pháp lý và giá trị của thông tin thống kê được ủy thác, đặt hàng; năng lực thực hiện công tác thống kê của các đơn vị được ủy thác; sự phân công, phân cấp về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức liên quan,...

Đây là vấn đề lớn cần phải được nghiên cứu toàn diện, đầy đủ, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu và đề nghị chưa quy định những nội dung này trong dự án Luật Thống kê sửa đổi.

4. Cơ quan thống kê Nhà nước chưa thực sự phát triển dịch vụ thống kê và cung cấp thông tin thống kê, việc gia tăng giá trị của thông tin thống kê còn hạn chế. Cần bổ sung quy định về các báo cáo, các phân tích thống kê, cung cấp dịch vụ thống kê và cung cấp thông tin thống kê

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ báo cáo, giải trình và đề xuất một số nội dung cụ thể như sau:

a) Đối với nội dung về cơ quan thống kê Nhà nước chưa phát triển dịch vụ thống kê và cung cấp thông tin thống kê, việc gia tăng giá trị của thông tin thống kê còn hạn chế

- Hoạt động thống kê nhà nước là hoạt động công, phi thị trường, cung cấp miễn phí cho các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định. Ngoài ra, khoản 3 Điều 56 Luật Thống kê đã quy định “*Tổ chức thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu sử dụng hợp pháp thông tin thống kê nhà nước đã được công bố của cơ quan, tổ chức, cá nhân*”.

- Việc cung cấp thông tin thống kê của cơ quan thống kê Nhà nước đã được quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Thống kê: “*Cơ quan thống kê Trung ương là cơ quan thống kê quốc gia, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các tổ chức, cá nhân*”.

b) Đối với nội dung cần bổ sung quy định về các báo cáo, phân tích thống kê, cung cấp dịch vụ thống kê và cung cấp thông tin thống kê

- Chương IV Luật Thống kê đã quy định về phân tích và dự báo thống kê; công bố và phổ biến thông tin thống kê nhà nước (từ Điều 45 đến Điều 49), cụ thể: Phân tích và dự báo thống kê (Điều 45); trách nhiệm của Bộ, ngành đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (Điều 46); thẩm định số liệu thống kê của Bộ, ngành trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (Điều 47); công bố thông tin thống kê nhà nước (Điều 48); phổ biến thông tin thống kê nhà nước (Điều 49). Theo Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ thì thông tin thống kê nhà nước bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích số liệu thống kê gồm: (1) Báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý và năm; (2) Báo cáo

kết quả điều tra, tổng điều tra thống kê; (3) Báo cáo phân tích chuyên đề; (4) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch 5 năm và hằng năm.

Trên thực tế, số liệu thống kê và báo cáo phân tích thống kê được thực hiện đầy đủ, cung cấp theo Lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước cho các cơ quan nhà nước, tổ chức và người dùng tin khác thông qua các hình thức phổ biến thông tin thống kê nhà nước quy định trong Luật Thống kê (Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê; niên giám thống kê; hợp báo; các ấn phẩm,...). Người sử dụng thông tin có thể tiếp cận các thông tin thống kê nhà nước qua các kênh phổ biến chính thống của các cơ quan thống kê Nhà nước.

Chính phủ đề xuất giữ nguyên quy định của Luật Thống kê hiện hành và chưa bổ sung các quy định khác liên quan đến nội dung này trong dự án Luật Thống kê sửa đổi.

5. Luật chưa làm rõ trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương, Tổng cục Thống kê, các Cục Thống kê ở địa phương, cũng như trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan thống kê của Bộ, ngành liên quan đến việc cung cấp các thông tin thống kê trọng yếu, điều chỉnh các chỉ tiêu thống kê; chưa làm rõ cách tính, công bố và thẩm quyền công bố, cung cấp số liệu thống kê cho các cơ quan Đảng, cơ quan của Quốc hội, chính quyền địa phương đối với các thông tin thống kê liên quan đến quản lý điều hành, ra quyết định của các cơ quan và chính quyền địa phương

a) Đối với nội dung chưa làm rõ trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương, cơ quan thống kê địa phương cũng như trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan thống kê của Bộ, ngành liên quan đến việc cung cấp các thông tin thống kê trọng yếu, điều chỉnh các chỉ tiêu thống kê

- Khoản 3 Điều 62 Luật Thống kê đã quy định “3. Cơ quan thống kê Trung ương là cơ quan thống kê quốc gia, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các tổ chức, cá nhân”. Điều phối hoạt động thống kê nhà nước được thực hiện thông qua các quy định của Luật Thống kê liên quan đến xây dựng và thực hiện các chương trình thống kê như hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (khoản 6 Điều 17); thẩm định hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành (Điều 20); hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (khoản 4 Điều 22); phân loại thống kê (khoản 4 Điều 24); chương trình điều tra thống kê quốc gia (khoản 2 Điều 28); thẩm định phương án điều tra thống kê (Điều 32); thẩm định chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành (Điều 43);...

- Luật Thống kê cũng đã quy định trách nhiệm của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan đến việc thu thập, tổng hợp, cung cấp, công bố thông tin liên quan đến chỉ tiêu thống kê quốc gia (Điều

17), chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành (Điều 19), chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (Điều 22),...

- Đối với từng chỉ tiêu thống kê cụ thể, sau khi danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia được thông qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải xây dựng, ban hành quy trình sản xuất thông tin thống kê. Quy trình sẽ quy định các bước, trình tự cũng như trách nhiệm của Bộ, ngành và địa phương trong quá trình thu thập, tổng hợp, biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia.

b) Đối với nội dung chưa làm rõ cách tính và thẩm quyền công bố, cung cấp số liệu thống kê cho cơ quan Đảng, cơ quan của Quốc hội, chính quyền địa phương đối với các thông tin thống kê liên quan đến quản lý điều hành, ra quyết định của các cơ quan và chính quyền địa phương

- Khoản 10 Điều 3 Luật Thống kê đã quy định: “10. Hệ thống chỉ tiêu thống kê là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh các đặc điểm của hiện tượng kinh tế - xã hội. Hệ thống chỉ tiêu thống kê gồm danh mục và nội dung chỉ tiêu thống kê. Danh mục chỉ tiêu thống kê gồm mã số, nhóm, tên chỉ tiêu. Nội dung chỉ tiêu thống kê gồm khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu của chỉ tiêu thống kê và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp”.

Khoản 6 Điều 17 Luật Thống kê quy định: “Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”.

Như vậy, sau khi Quốc hội thông qua Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia thì nội dung chỉ tiêu quốc gia (*khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố; nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp*) do Chính phủ ban hành.

- Điều 48 Luật Thống kê quy định về công bố thông tin thống kê nhà nước, cụ thể:

“1. Các mức độ của số liệu thống kê được công bố gồm: a) Số liệu thống kê ước tính; b) Số liệu thống kê sơ bộ; c) Số liệu thống kê chính thức.

2. Thẩm quyền công bố thông tin thống kê được quy định như sau: a) Thủ trưởng cơ quan thống kê Trung ương công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước công bố thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách, trừ các thông tin thống kê quy định tại điểm a khoản này; c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin thống kê từ kết quả điều tra thống kê quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 của Luật này; d) Người

đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

3. Người có thẩm quyền công bố thông tin thống kê chịu trách nhiệm về thông tin đã công bố”.

- Điều 4, Luật Thống kê quy định: “Hoạt động thống kê nhà nước nhằm cung cấp thông tin thống kê phục vụ các mục đích sau đây: a) Đáp ứng yêu cầu đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, quy hoạch chính sách, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; b) Đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; c) Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

- Bên cạnh đó, việc cung cấp số liệu thống kê cho cơ quan Đảng, cơ quan của Quốc hội, chính quyền địa phương đối với các thông tin thống kê liên quan đến quản lý điều hành, ra quyết định của các cơ quan và chính quyền địa phương được thực hiện theo các quy định tại: Khoản 3 Điều 22: “3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xây dựng phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương”; điểm b, c khoản 2 Điều 19: “b) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có liên quan được phân công thực hiện theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực; c) Các chỉ tiêu thống kê bộ, ngành do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ tại đơn vị hành chính cấp tỉnh thực hiện cung cấp cho Bộ, ngành tổng hợp”...

c) Đề xuất

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đề xuất sửa đổi, bổ sung 03 nội dung lớn nhằm làm rõ quy trình biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia; không ảnh hưởng, tác động đến các nội dung trong các điều, khoản khác của Luật Thống kê hiện hành, cụ thể như sau:

(1) Bổ sung quy định về việc giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương trình Chính phủ ban hành quy trình biên soạn Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP).

(2) Bổ sung quy định về việc định kỳ 05 năm rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội.

(3) Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền công bố thông tin của người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tổ của chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Lý do đề xuất:

(1) GDP, GRDP là những chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh thực trạng kinh tế của một quốc gia và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên thực tiễn, quy trình này đã được kiểm nghiệm; khắc phục được tình trạng chênh lệch số liệu GDP và GRDP giữa Trung ương với địa phương; chất lượng số liệu được nâng cao; bảo đảm kỳ hạn biên soạn và công bố số liệu GDP, GRDP theo quy định; nâng cao trách nhiệm và sự phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành và địa phương trong việc biên soạn và công bố số liệu GDP, GRDP; bảo đảm tính đồng bộ và hệ thống, tính kết nối ở các khâu của quy trình; bảo đảm tính phù hợp giữa số liệu GDP, GRDP và các chỉ tiêu khác có liên quan như: Giá trị sản xuất (GO), chi phí trung gian (IC), giá trị tăng thêm (VA), chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thuế sản xuất và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác.

(2) Quy trình biên soạn GDP, GRDP là quy trình mang tính kỹ thuật chuyên sâu, trong quy định của Luật chỉ nên quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành và thực hiện quy trình này.

(3) Chính phủ ban hành quy trình này sẽ làm rõ trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh, cũng như trách nhiệm phối hợp của thống kê Bộ, ngành liên quan đến việc cung cấp và sử dụng các thông tin thống kê cho công tác biên soạn và điều chỉnh GDP, GRDP thường xuyên và định kỳ.

(4) Việc luật hóa các quy định trên sẽ tăng cường hiệu lực pháp lý; hiệu quả trong thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê; bảo đảm tính khả thi, minh bạch trong biên soạn, công bố GDP, GRDP.

- Quy định cụ thể trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê số 89/2015/QH13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 như sau:

“6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương:

a) Trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

b) Định kỳ 05 năm rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 48 như sau:

“d) Người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tổ của chỉ tiêu thống kê quốc gia phải thống nhất với cơ quan thống kê Trung ương trước khi công bố”.

6. Dự thảo Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê đang trình chưa có chỉ tiêu phản ánh liên kết kinh tế vùng và liên kết ngành, thẩm quyền tính, trách nhiệm cung cấp thông tin thống kê. Cần nghiên cứu, bổ sung các chỉ tiêu thống kê để phản ánh được xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, liên quan đến môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, giới, bình đẳng giới và các nhóm yếu thế trong xã hội, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển khu vực tư nhân

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ báo cáo và giải trình một số nội dung cụ thể như sau:

a) Đối với nội dung dự thảo Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê đang trình chưa có chỉ tiêu phản ánh liên kết kinh tế vùng và liên kết ngành, thẩm quyền tính, trách nhiệm cung cấp thông tin thống kê

- Luật Thống kê đã quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành (Điều 19). Nội dung này được quy định cụ thể hơn tại Điều 10 Nghị định số 94/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê về hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng, trong đó quy định “*Thủ tướng Chính phủ phân công việc xây dựng, thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng gồm các chỉ tiêu thống kê có tính chất tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ đánh giá, giám sát việc thực hiện pháp luật chuyên ngành, chiến lược, chính sách, chương trình, mục tiêu quốc gia*”.

- Những chỉ tiêu phản ánh liên kết kinh tế vùng và liên kết ngành (ví dụ như giới, bình đẳng giới) được thể hiện trong Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia dưới 02 góc độ: (1) Là chỉ tiêu thống kê độc lập phản ánh trực tiếp nội dung và (2) Là phân tổ của chỉ tiêu thống kê (ví dụ như phân tổ theo giới tính; vùng; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thành thị/nông thôn; ngành kinh tế; loại hình kinh tế,...).

- Việc công bố thông tin thống kê nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 48; trách nhiệm thu thập, tổng hợp biên soạn chỉ tiêu sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định hướng dẫn sau khi Luật Thống kê sửa đổi được thông qua.

b) Đối với nội dung cần nghiên cứu, bổ sung các chỉ tiêu thống kê để phản ánh được xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, liên quan đến môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, giới, bình đẳng giới và các nhóm yếu thế trong xã hội, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển khu vực tư nhân

- Theo quy định hiện hành, các chỉ tiêu thống kê phản ánh những nội dung nêu trên sẽ được quy định tại hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia hoặc hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, hoặc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Việc xác định, lựa chọn các chỉ tiêu thống kê phản ánh các lĩnh vực nêu trên để quy định tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phải tuân thủ 03 tiêu chí sau: (1) Phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; (2) Cung cấp thông tin thống kê phục vụ quản lý, điều hành kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô (tầm quốc gia); (3) Phản ánh hội nhập kinh tế quốc tế và theo các chuẩn mực thống kê quốc tế.

- Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã rà soát, bổ sung và hoàn thiện Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, bổ sung các phụ lục danh mục chỉ tiêu liên quan đến từng nhóm vấn đề nêu trên.

7. Trong điều kiện công nghệ thông tin và khoa học phát triển mạnh mẽ, cần xem lại cách thức triển khai về kỹ thuật điều tra chọn mẫu, phương sai, kỳ vọng,... ứng dụng triệt để công nghệ thông tin, dữ liệu lớn, phối hợp giữa các cơ quan bảo đảm cập nhật chính xác hằng ngày, hằng giờ

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ báo cáo và đề xuất, giải trình một số nội dung cụ thể như sau:

- Luật Thống kê đã quy định Chương V. “Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin - truyền thông và hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước”. Điều 51 quy định về phát triển và ứng dụng công nghệ - thông tin truyền thông trong hoạt động thống kê nhà nước.

- Ngoài ra, Mục 2 Chương III Luật Thống kê quy định về “Sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước” gồm: Sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước (Điều 36); cung cấp dữ liệu trong cơ sở dữ liệu cho hoạt động thống kê nhà nước (Điều 37); nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính (Điều 38); nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan thống kê Trung ương trong quản lý, sử dụng dữ liệu hành chính (Điều 39).

- Thực tiễn công tác thống kê đã và đang ứng dụng triệt để công nghệ thông tin nhằm giảm thời gian thu thập, nâng cao chất lượng thông tin, minh bạch trong quá trình quản lý dữ liệu và chia sẻ thông tin trong việc khai thác và sử dụng số

liệu thống kê (như thu thập thông tin thông qua sử dụng thiết bị di động). Ngoài ra, công nghệ thông tin và truyền thông cũng được ứng dụng triệt để trong xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung và chia sẻ dữ liệu sử dụng chung; khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê như dữ liệu từ hồ sơ đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp,...

Ví dụ: Trong Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2019, Việt Nam đã triệt để khai thác hồ sơ hành chính và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các quy trình của Tổng điều tra. Điều này đã được Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) đánh giá cao và đề nghị báo cáo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện Tổng điều tra tại nhiều phiên họp Quốc tế.

- Liên quan đến việc quy định sử dụng nguồn “dữ liệu lớn”, bảo đảm cập nhật chính xác hằng ngày, hằng giờ: Đây là định hướng lớn, cần được nghiên cứu toàn diện, tổng thể để sử dụng nguồn dữ liệu này cho mục đích thống kê. Trên thế giới, chỉ một số ít các nước phát triển quy định việc sử dụng nguồn dữ liệu này cho mục đích thống kê. Thực tiễn Việt Nam chưa thể khái quát để luật hóa các quy định liên quan đến nguồn dữ liệu này; cần phải có sự kiểm nghiệm của thực tiễn, cần nghiên cứu thêm, đầy đủ hơn,...

Chính phủ đề xuất giữ nguyên quy định của Luật Thống kê hiện hành và tiếp tục nghiên cứu, chưa bổ sung các quy định liên quan đến sử dụng nguồn dữ liệu lớn cho mục đích thống kê trong dự án Luật Thống kê sửa đổi.

8. Nội dung liên quan đến Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

a) Nội dung tiếp thu

Tiếp thu ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia với các nội dung cụ thể như sau:

(1) Bổ sung phụ lục liệt kê chi tiết các chỉ tiêu thống kê theo từng nhóm như: Phản ánh, đánh giá một số chính sách, pháp luật, mục tiêu, đường lối đổi mới, quan hệ hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu, các nhóm yếu thế,...

(2) Bổ sung tiêu chí, nguyên tắc để phân định giữa chỉ tiêu thống kê quốc gia với chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong quá trình xác định, lựa chọn chỉ tiêu.

Chỉ tiêu thống kê quốc gia phải bảo đảm 03 tiêu chí sau: (1) Phải phản ánh, đánh giá đầy đủ, toàn diện tình hình phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước trong một thời kỳ nhất định; (2) Phục vụ Đảng và Nhà nước chỉ đạo, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô (tầm quốc gia); hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế và đánh giá kết quả thực hiện; (3) Phải bảo đảm so sánh quốc tế, phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và thực tiễn của Việt Nam.

Căn cứ vào 03 tiêu chí xác định trên và nhu cầu thông tin phục vụ quản lý, điều hành của Bộ, ngành và địa phương, các chỉ tiêu thống kê sẽ được xác định, lựa chọn quy định tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia hoặc hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành hoặc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

(3) Bổ sung thuyết minh làm rõ căn cứ khoa học, căn cứ pháp lý, nguyên nhân để loại bỏ, giữ lại và bổ sung nhóm chỉ tiêu trong phụ lục sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính bao quát, minh bạch, toàn diện, có giá trị phục vụ yêu cầu quản lý và hoạch định chính sách của Nhà nước.

(4) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và nội dung của từng chỉ tiêu thống kê cụ thể (*khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố; nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp*).

(5) Đối với chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ”: Gộp vào chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo” bổ sung phân tổ “Có bằng, chứng chỉ/không có bằng, chứng chỉ”; phân tổ này được quy định trong Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

(6) Sửa tên 03 chỉ tiêu thống kê:

- “Năng suất lao động xã hội” thành “Năng suất lao động”;
- “Thu chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” thành “Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp”;
- “Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” thành “Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp”.

(7) Bổ sung 05 chỉ tiêu thống kê liên quan đến chứng khoán, giáo dục và môi trường:

- Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước;
- Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu;
- Tổng giá trị phát hành trái phiếu;
- Số sinh viên đại học trên mười nghìn dân;
- Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM2,5 và PM10 trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên.

(8) Đối với một số chỉ tiêu thống kê liên quan đến kinh tế số:

- Bổ sung 02 chỉ tiêu:
 - + Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác;

- + Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến.
- Bổ sung nội hàm vào nội dung, phân tổ của chỉ tiêu
- + Chỉ tiêu “Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính”: Bổ sung phân tổ “Kết nối Internet/không kết nối Internet”.
- + Chỉ tiêu “Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động”: Bổ sung phân tổ “Loại điện thoại (thông minh/thường)”.

(9) Đối với ý kiến về các chỉ tiêu bảo hiểm phải có tính so sánh quốc tế

Nhất trí với quan điểm các chỉ tiêu bảo hiểm phải hướng tới so sánh quốc tế. Ở Việt Nam, hoạt động bảo hiểm thương mại (dịch vụ bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động theo Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010) luôn đồng nhất về phạm vi với bảo hiểm thương mại của quốc tế nên số liệu thống kê lĩnh vực này hoàn toàn tương thích với số liệu thống kê bảo hiểm thương mại quốc tế. Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã có chỉ tiêu “Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm”, chỉ tiêu này căn cứ theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam tổ chức dưới hình thức an sinh xã hội thuộc quản lý nhà nước hoạt động theo Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 24/11/2014, không phải là dịch vụ bảo hiểm thương mại nên sẽ khác với khái niệm hình thức bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp do các doanh nghiệp bảo hiểm, các loại hình quỹ bảo hiểm do tư nhân quản lý hiện đang phổ biến trên thế giới. Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam tương thích với Quỹ An sinh xã hội của quốc tế (cũng thuộc Ngân sách nhà nước).

b) Nội dung giải trình, làm rõ

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ giải trình, làm rõ một số nội dung sau:

(1) Đối với ý kiến làm rõ “vì sao chúng ta không tính được chỉ tiêu GDP xanh”

- Trên thực tế, rất ít nước trên thế giới có thể tính được chỉ tiêu GDP xanh một cách đầy đủ. Hiện tại, Đan Mạch, Hà Lan, Úc, Mỹ và một số quốc gia có hệ thống kiểm soát, quản lý môi trường tiên tiến mới có thể thực hiện tính GDP xanh (theo từng mức độ “xanh” khác nhau) nhưng chưa quốc gia nào công bố chỉ tiêu này.

- Đến nay, chỉ tiêu GDP xanh chưa thực hiện được chủ yếu do thiếu nguồn thông tin, hạn chế về nguồn lực,... Nhiều thông tin đầu vào về môi trường quan trọng rất khó đo lường như: Đánh giá hao hụt nguồn tài nguyên (khoáng sản, đất, nước, không khí, rừng,...), chi phí liên quan đến xử lý ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí,...), chi phí sử dụng đất,...

(2) Đối với ý kiến đề nghị bổ sung chỉ tiêu “Trái phiếu xanh”

- Trái phiếu xanh là chỉ tiêu thuộc lĩnh vực do Bộ Tài chính quản lý do Chính phủ phát hành để tài trợ cho các dự án liên quan đến lợi ích môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và nằm trong dự án được phân bổ vốn công theo Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.

- Hiện nay, Chính phủ đang nghiên cứu đưa chỉ tiêu này vào Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh quốc gia. Tuy nhiên, chỉ tiêu này vẫn đang trong quá trình rà soát, tìm hiểu thông lệ quốc tế, xem xét khả năng thực hiện trên thực tế.

(3) Đối với ý kiến đề nghị giải thích cách tính chỉ tiêu “Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)” của Việt Nam khác với cách tính của Tổ chức năng suất châu Á

Việt Nam và Tổ chức năng suất châu Á (APO) tương đồng về phương pháp tính chỉ tiêu “Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)”. Theo đó, TFP là tỷ lệ giữa đầu ra tổng hợp và đầu vào tổng hợp. Tuy nhiên, phương pháp biên soạn số liệu giữa Việt Nam và APO có những điểm khác nhau, cụ thể:

- Về cách tiếp cận khi tính toán: APO tiếp cận từ dưới lên và từ trên xuống trong khi Việt Nam tiếp cận từ trên xuống. Cách tiếp cận từ dưới lên của APO đòi hỏi số liệu đầy đủ và chi tiết. Số liệu phải ngoại suy chi tiết theo phương pháp chuyên gia và thừa nhận độ tin cậy của số liệu ngoại suy cho Việt Nam không cao.

- Về tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu đầu vào tính theo 2 cách tiếp cận khác nhau: APO dùng Translog Index, Việt Nam dùng Laspeyre Index (theo thống kê Liên hợp quốc).

- Về phạm vi của tài sản: APO tính tài sản do sản xuất tạo ra và tài sản tự nhiên (bao gồm đất, các tài nguyên thiên nhiên,...); Việt Nam chỉ tính tài sản do sản xuất tạo ra. Do số liệu về lũy kế tài sản do sản xuất tạo ra không đầy đủ nên APO và Việt Nam đều phải ước tính với mức độ chi tiết khác nhau.

- Về mức độ chi tiết tài sản: Do không đầy đủ về số liệu tồn kho (lũy kế) tài sản do sản xuất tạo ra (từ khi hình thành đến thời điểm báo cáo) nên Việt Nam chỉ ước tính được tổng số. APO đưa ra các giả thiết và kinh nghiệm chuyên gia để ước tính tài sản ở mức độ chi tiết hơn (theo khoảng 20 loại tài sản chi tiết).

- Về mức độ chi tiết của lao động: APO xem xét lao động theo các nhóm yếu tố chi tiết liên quan như số lượng lao động (phân tổ chi tiết theo giới tính, địa bàn,...), chất lượng lao động, thời gian lao động, tiền lương theo giờ/tháng,...; một số chỉ tiêu (tiền lương theo giờ/tháng) được APO tự ước tính/ngoại suy từ kinh nghiệm chuyên gia. Việt Nam mới chỉ tiếp cận chỉ tiêu này ở mức độ tổng hợp.

Do không đủ thời gian và nhân lực để thực hiện ngoại suy các chỉ tiêu chi tiết còn thiếu nên hiện tại Việt Nam chỉ có thể ước tính tổng hợp dẫn đến kết quả tính không tương thích với kết quả của APO.

Trong thời gian tới, Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, chuẩn hóa và chi tiết phương pháp tính, củng cố nguồn số liệu để bảo đảm kết quả tính toán có chất lượng tốt nhất.

(4) Đối với ý kiến đề nghị nêu chi tiết các loại cây trồng đối với 02 chỉ tiêu “Sản lượng một số cây trồng chủ yếu” và “Năng suất một số cây trồng chủ yếu”

- Chỉ tiêu “Sản lượng một số cây trồng chủ yếu” và “Năng suất một số cây trồng chủ yếu” được quy định tính chi tiết cho từng loại cây trồng chủ yếu theo nhóm cây: Cây hàng năm như: Lúa, ngô, khoai lang, sắn, rau,...; cây lâu năm như: Chè, cà phê, cao su, hồ tiêu,... theo đúng các quy định của quốc tế về thống kê cây trồng.

- Nội dung chi tiết sẽ được quy định trong Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia.

(5) Đối với ý kiến đề nghị bỏ chữ “đa chiều” trong tên chỉ tiêu “Tỷ lệ nghèo đa chiều”

- Tên gọi “nghèo đa chiều” (thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân) nhằm phân biệt với “nghèo” (thiếu hụt về thu nhập).

- Tên gọi “Tỷ lệ nghèo đa chiều” phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế (Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu).

- Hệ thống văn bản hiện hành của Việt Nam đã và đang sử dụng tên gọi này (Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

(6) Đối với ý kiến liên quan đến phân tổ lực lượng lao động theo trình độ

- Các chỉ tiêu lao động quy định trong Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đều có phân tổ theo “Trình độ chuyên môn kỹ thuật”.

- Phân tổ “Trình độ chuyên môn kỹ thuật” sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia.

(7) Đối với ý kiến đề nghị nêu chi tiết các mặt hàng đối với chỉ tiêu “Mặt hàng xuất khẩu, mặt hàng nhập khẩu”

Nội dung chi tiết theo từng mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia.

(8) Đối với ý kiến đề nghị tách chỉ tiêu “Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải, chất thải rắn sinh hoạt” thành 02 chỉ tiêu vì thu gom và xử lý không đồng nhất với nhau

Hoạt động thu gom, xử lý luôn gắn liền với nhau; rác thải sau khi được thu gom sẽ được chuyển giao cho đơn vị xử lý, do đó về nguyên tắc, khối lượng thu gom sẽ bằng với khối lượng xử lý. Số liệu này được thể hiện tại các hóa đơn,

chứng từ chuyển giao chất thải (đối với chất thải nguy hại), hóa đơn, chứng từ với đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, xử lý rác (đối với chất thải rắn sinh hoạt).

Ngoài ra, trong phần phương pháp tính của chỉ tiêu này cũng đã thể hiện rõ kết quả thu gom (tính trên khối lượng phát sinh) và kết quả xử lý (tính trên khối lượng thu gom).

(9) Đối với ý kiến về dự thảo danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa đề cập nhiều đến: Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ứng dụng khoa học, công nghệ, đô thị hóa

Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung các chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhóm này. Tuy nhiên, tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia trình Quốc hội đã quy định: 24 chỉ tiêu thống kê phản ánh tăng trưởng xanh; 54 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện phát triển bền vững; 33 chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu; 24 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá việc thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số; 01 chỉ tiêu thống kê về đô thị hóa “Tỷ lệ đô thị hóa”.

(10) Đối với ý kiến đề nghị bổ sung các chỉ tiêu về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế Việt Nam

- Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã nghiên cứu các nội dung liên quan đến vấn đề này và đề xuất chưa bổ sung các chỉ tiêu thống kê liên quan đến nội dung này tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Phục vụ giám sát, đánh giá các lĩnh vực này, Chính phủ sẽ nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ tiêu đo lường năng suất gắn với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của toàn bộ nền kinh tế, ngành kinh tế, địa phương và doanh nghiệp.

(11) Đối với ý kiến đề nghị bổ sung các chỉ tiêu về quy mô của khu vực kinh tế phi chính thức

Khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế, trừ các ngành: (1) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; (2) Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc; (3) Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác. Khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh có đặc điểm: Hợp pháp; quy mô nhỏ; không có sổ sách kế toán hoặc có nhưng chưa hoàn chỉnh; không tách riêng chi phí sản xuất với chi phí sinh hoạt; không phân biệt nhà cửa, tài sản cố định khác dùng cho sản xuất và sinh hoạt của hộ gia đình.

Nội dung của khu vực kinh tế phi chính thức đã được phản ánh theo các phân tổ nhỏ, chi tiết của chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

(12) Đối với ý kiến đề nghị bổ sung các chỉ tiêu về khu vực kinh tế tư nhân

- Phân tổ theo thành phần kinh tế (loại hình kinh tế) là một phân tổ chính của các chỉ tiêu thống kê kinh tế, theo phân tổ này hoạt động kinh tế được tách thành 5 loại: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân và kinh tế vốn đầu tư nước ngoài.

- Trong Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã quy định nhiều chỉ tiêu thống kê, hoặc phân tổ chỉ tiêu thống kê phản ánh thành phần kinh tế này như: Số doanh nghiệp, lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp phân tổ theo loại hình doanh nghiệp.

Tuy nhiên bóc tách, xác định chính xác sự đóng góp của khu vực tư nhân đối với nền kinh tế rất khó khăn, phức tạp và cần nhiều thời gian. Do vậy, Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu và đề xuất chưa quy định, bổ sung các chỉ tiêu thống kê cụ thể về loại hình kinh tế này.

(13) Đối với ý kiến đề nghị bổ sung nhóm chỉ tiêu thống kê về đồng bào dân tộc thiểu số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, các nhóm yếu thế trong xã hội, kinh tế miền núi, kinh tế biển, thành phố thông minh; tiêu chí tỉnh công nghiệp hoặc là nước công nghiệp

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã tiến hành rà soát, bổ sung và hoàn thiện Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Liên quan đến nội dung này, Chính phủ báo cáo và làm rõ một số nội dung sau:

- Việc xác định, lựa chọn các chỉ tiêu thống kê quy định trong Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc nhất định như: Phải phản ánh ở tầm quốc gia, tính khả thi, bảo đảm so sánh và theo chuẩn quốc tế; các chỉ tiêu thống kê quốc gia phải bảo đảm 03 tiêu chí xác định là chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Nhóm chỉ tiêu thống kê đề nghị bổ sung đã có một số chỉ tiêu thống kê được quy định tại Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia hoặc nội dung đã được phản ánh trong các phân tổ theo dân tộc, giới, nhóm tuổi, người khuyết tật,...

- Nhiều chỉ tiêu thống kê trong nhóm này, Chính phủ đề xuất quy định tại các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành; liên ngành, liên lĩnh vực hoặc liên kết vùng; không lồng ghép vào danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia.

II. Đề xuất, kiến nghị

1. Phạm vi sửa đổi

Căn cứ Điều 18 Luật Thống kê về điều chỉnh, bổ sung danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và xuất phát từ thực tiễn nhằm bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phản ánh tình hình mới, bối cảnh mới phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước; Chính phủ đã đề xuất nghiên cứu

sửa Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, chưa đặt ra việc sửa toàn diện các vấn đề của Luật Thống kê hiện hành. Quá trình triển khai xây dựng, các Bộ, ban, ngành đã phối hợp rất chặt chẽ và thống nhất cao về việc tập trung sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia trình Quốc hội.

Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với nhiều ý kiến xác đáng, tuy nhiên, các vấn đề đặt ra rất lớn, phức tạp, đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu cũng như đánh giá thực tiễn trong nước và quốc tế. Do đó, trên nguyên tắc và phương pháp thống kê đã được quốc tế công nhận, các quy định của Luật Thống kê, các Luật chuyên ngành có liên quan, khả năng có thể tính toán các chỉ tiêu thống kê do các Bộ, ngành đề xuất và thực tiễn triển khai của các quốc gia khác trên thế giới, Chính phủ đề nghị chỉ tập trung sửa đổi những nội dung lớn, đã rõ và thực hiện được ngay bảo đảm kịp thời cung cấp thông tin sát thực với tình hình phát triển của đất nước, phản ánh thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ mới.

Đồng thời, để có số liệu, thông tin thống kê phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, điều hành, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định đổi tên dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê thành tên dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê với phạm vi, nội dung sửa đổi như sau:

(1) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 như sau:

“6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương:

a) Trình Chính phủ ban hành nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hướng dẫn, kiểm tra tình hình và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

b) Định kỳ 05 năm rà soát về việc đánh giá lại quy mô Tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội”.

(2) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 48 như sau:

“d) Người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tổ của chỉ tiêu thống kê quốc gia phải thống nhất với cơ quan thống kê Trung ương trước khi công bố”.

(3) Thay thế Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13 bằng Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia kèm theo Luật này.

2. Thời gian xem xét, thông qua

Do nội dung đề xuất bổ sung chỉ làm rõ quy trình biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, liên quan trực tiếp đến Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê

quốc gia; không ảnh hưởng, tác động đến các nội dung trong các điều, khoản khác của Luật Thống kê hiện hành, Chính phủ kiến nghị Quốc hội xem xét và thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XV, tháng 10 năm 2021.

3. Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã rà soát, hoàn thiện Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, cụ thể như sau:

a) Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm 20 nhóm với 222 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- (01) Đất đai, dân số: 14 chỉ tiêu;
- (02) Lao động, việc làm và bình đẳng giới: 12 chỉ tiêu
- (03) Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp: 06 chỉ tiêu
- (04) Đầu tư và xây dựng: 09 chỉ tiêu
- (05) Tài khoản quốc gia: 17 chỉ tiêu
- (06) Tài chính công: 10 chỉ tiêu
- (07) Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán: 23 chỉ tiêu
- (08) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 14 chỉ tiêu
- (09) Công nghiệp: 08 chỉ tiêu
- (10) Thương mại, dịch vụ: 10 chỉ tiêu
- (11) Chỉ số giá: 09 chỉ tiêu
- (12) Giao thông vận tải: 10 chỉ tiêu
- (13) Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông: 23 chỉ tiêu
- (14) Khoa học và công nghệ: 06 chỉ tiêu
- (15) Giáo dục: 04 chỉ tiêu
- (16) Y tế và chăm sóc sức khỏe: 09 chỉ tiêu
- (17) Văn hóa, thể thao và du lịch: 08 chỉ tiêu
- (18) Mức sống dân cư: 08 chỉ tiêu
- (19) Trật tự, an toàn xã hội và tư pháp: 10 chỉ tiêu
- (20) Bảo vệ môi trường: 12 chỉ tiêu

b) Một số thay đổi so với Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia kèm theo Tờ trình số 322/TTr-CP

- Sửa tên Nhóm “13. Công nghệ thông tin và truyền thông” thành “13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông” để bảo đảm phản

ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông

- Gộp chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” vào chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo” đồng thời bổ sung phân tử “Có bằng, chứng chỉ/không có bằng, chứng chỉ”; phân tử này được quy định trong Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước và chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tách chỉ tiêu “Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường” thành 02 chỉ tiêu “Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường” và “Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường”.

- Bổ sung 07 chỉ tiêu:

+ Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác;

+ Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước;

+ Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu;

+ Tổng giá trị phát hành trái phiếu;

+ Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến;

+ Số sinh viên đại học trên mười nghìn dân;

+ Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM2,5 và PM10 trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên.

- Sửa tên 07 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu “Năng suất lao động xã hội” thành “Năng suất lao động”;

+ Chỉ tiêu “Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp” sửa thành “Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp”;

+ Chỉ tiêu “Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” sửa thành “Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp”;

+ Chỉ tiêu “Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” sửa thành “Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp”;

+ Chỉ tiêu “Số lượng và công suất tàu thuyền có động cơ khai thác hải sản” sửa thành “Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ”;

+ Chỉ tiêu “Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn Việt Nam” sửa thành “Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn”;

+ Chỉ tiêu “Số vụ cứu nạn, cứu hộ; số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được và số tài sản cứu được” sửa thành “Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy”.

c) So với danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13, danh mục chỉ tiêu thống kê lần này có một số thay đổi như sau:

(1) Về nhóm chỉ tiêu

Sửa tên 03 nhóm chỉ tiêu, cụ thể:

- Nhóm “07. Tiền tệ và bảo hiểm” sửa tên thành “07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán” do bổ sung các chỉ tiêu về chứng khoán;

- Nhóm “11. Giá cả” sửa tên thành “11. Chỉ số giá” vì nhóm này gồm các chỉ số giá;

- Nhóm “13. Công nghệ thông tin và truyền thông” sửa tên thành “13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông” để bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông.

(2) Về chỉ tiêu

- Giữ nguyên: 129 chỉ tiêu thống kê do vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm tính khả thi và bảo đảm phản ánh được tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

- Sửa tên: 46 chỉ tiêu thống kê để phù hợp tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành đồng thời bảo đảm so sánh quốc tế.

- Bổ sung: 47 chỉ tiêu thống kê để phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ được ban hành trong thời gian gần đây, như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

- Bỏ: 11 chỉ tiêu thống kê do không còn phù hợp với thực tế, không bảo đảm tính khả thi hoặc đã có trong nội dung của chỉ tiêu thống kê khác.

(Chi tiết theo “Phụ lục 1 - Danh mục thể hiện chi tiết việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê quốc gia” đính kèm).

d) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới trong thời gian gần đây, cụ thể như sau:

- 18 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- 17 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030;

- 55 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nội dung về phát triển bền vững;

- 23 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá việc thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số;

- 12 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics;

- 26 chỉ tiêu thống kê phản ánh, giám sát, đánh giá về giới và bình đẳng giới.

đ) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê phản ánh quan hệ hội nhập quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, cụ thể như sau:

- 10 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới ở cấp độ toàn cầu;

- 34 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu (SDG);

- 29 chỉ tiêu thống kê tương ứng với các chỉ tiêu thống kê cấp độ ASEAN;

- 05 chỉ tiêu thống kê thuộc bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu (IDI);

- 03 chỉ tiêu thống kê thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.

e) Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật các chỉ tiêu thống kê phản ánh, dự báo, đo lường sự phát triển của kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm, cụ thể như sau:

- 24 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế xanh, tăng trưởng xanh;

- 05 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế tuần hoàn;

- 07 chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế bao trùm.

f) Ngoài ra, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu; các chỉ tiêu thống kê phản ánh liên kết vùng và nhóm yếu thế, cụ thể như sau:

- 12 chỉ tiêu thống kê về môi trường và biến đổi khí hậu;

- 130 chỉ tiêu thống kê phản ánh liên kết vùng;

- 11 chỉ tiêu thống kê liên quan đến trẻ em.

(Chi tiết theo “Phụ lục 2 - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh chính sách, pháp luật trong thời gian gần đây” đính kèm).

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình của Chính phủ về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê. Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- TTg, các PTTg (để b/c);
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
- các Vụ: PL, TH, KTTH, QHDP;
- Lưu VT, PL (3). 65

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC THẺ HIỆN CHI TIẾT VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHỈ TIÊU THÔNG KÊ QUỐC GIA

(Kèm theo Báo cáo số: 377/BC-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ)

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bỏ sung	Bỏ	
		222			129	46	47	11	
		01. Đất đai, dân số							
1	0101	Diện tích và cơ cấu đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường		×				
2	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê		×				
3	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế		×				
4	0104	Tỷ suất sinh thô	Tổng cục Thống kê		×				
5	0105	Tổng tỷ suất sinh	Tổng cục Thống kê		×				
6	0106	Tỷ suất chết thô	Tổng cục Thống kê		×				
7	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê		×				
8	0108	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Tổng cục Thống kê		×				
9	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê		×				
10	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
11	0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp		×				
12	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.		×				
13	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Y tế.		×				
14		Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng			×		Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, định hướng các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 quy định tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%
15	0201	02. Lao động, việc làm và bình đẳng giới Lực lượng lao động	Tổng cục Thống kê		×				
16	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
17	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội		x				Nội dung chỉ tiêu gồm: "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo" và "Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ"
18	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê		x				
19	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê		x				
20		Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			x		- Cùng với 2 chỉ tiêu "Tỷ lệ thất nghiệp", "Tỷ lệ thiếu việc làm" để phản ánh đầy đủ hơn chất lượng lực lượng lao động của Việt Nam - Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
21	0206	Năng suất lao động xã hội Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê	Quốc hội		×			- Theo khái niệm của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) “Năng suất lao động (Labour productivity) là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng gắn liền với tăng trưởng kinh tế, khả năng cạnh tranh và mức sống của quốc gia. Năng suất lao động thể hiện tổng sản lượng (tính theo Tổng sản phẩm quốc nội, GDP) được tạo ra trên một đơn vị lao động (tính theo số lượng người có việc làm) trong một khoảng thời gian tham chiếu nhất định (thường là 1 năm) - Như vậy, chỉ tiêu “Năng suất lao động xã hội” có nội dung đồng nhất nhất khái niệm “Năng suất lao động của ILO” nên Tổng cục Thống kê tiếp thu sửa tên “Năng suất lao động xã hội” thành “Năng suất lao động” (Labour productivity) để phù hợp với khái niệm, tên chỉ tiêu quốc tế

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
22	0207	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê		x				
23	0208	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng		x				
24	0209	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội		x				
25	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ		x				
26	0211	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.	Tổng cục Thống kê		x			Ngهی quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ
		03. Doanh nghiệp, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp							
27	0301	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở kinh tế, sự nghiệp Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở kinh tế	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		x			Phù hợp với tình hình thực tế

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
28	0302	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp	Bộ Nội vụ	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế
29	0303	Số hộ, lao động kinh tế cá thể nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế
30	0304	Số doanh nghiệp, vốn, lao động, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp Số doanh nghiệp, lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tài chính.	Tổng cục Thống kê		×			Thống kê đầy đủ các chỉ tiêu quan trọng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	0305	Giá trị tăng thêm trên 01 đồng giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	- Chỉ tiêu này không có nhiều ý nghĩa đối với toàn bộ nền kinh tế, ngoại trừ một số ít ngành như: công nghiệp, xây dựng, hàng không. - Không có đủ nguồn thông tin để tính giá trị tăng thêm của doanh nghiệp.
31	0306	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê		×				
32	0307	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê	Kiểm toán Nhà nước		×			Sửa tên để phản ánh đúng nội dung chỉ tiêu
		04. Đầu tư và xây dựng							
33	0401	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính		×				
34	0402	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
35	0403	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)	Tổng cục Thống kê		×				
36	0404	Năng lực mới tăng của nền kinh tế. Năng lực mới tăng chủ yếu của nền kinh tế	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Tập trung thống kê đầy đủ năng lực sản xuất với quy mô lớn, quan trọng trong các ngành kinh tế được tạo mới và tăng thêm của các dự án đầu tư đã hoàn thành và đưa vào khai thác hoạt động trong kỳ báo cáo
37	0405	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.		×				
38	0406	Số lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.		×				
39	0407	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
40		Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Xây dựng			×		Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản
41		Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Xây dựng			×		Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản
		05. Tài khoản quốc gia							
42	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê		×				
43	0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				
44	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
									- Số liệu công bố chỉ tiêu này trên các trang Web của các tổ chức quốc tế có uy tín như WB, IMF, OECD vẫn còn thiếu vắng - Trong khoảng 5 năm tới Việt Nam chưa thể đủ nguồn lực để tính chính thức chỉ tiêu này. Chỉ có một số quốc gia phát triển trên thế giới mới có nghiên cứu, lập tài khoản SESA và tính toán chỉ tiêu GDP xanh như Hà Lan, Mỹ
45	0504	Tổng sản phẩm trong nước xanh (GDP xanh)	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	
						×			Tên chỉ tiêu cần ngắn gọn, không để đơn vị tính, tính theo đơn vị nào thì thể hiện ở phần tổ của chỉ tiêu đó
46	0506	Tích lũy tài sản	Tổng cục Thống kê		×				
47	0507	Tiêu dùng cuối cùng	Tổng cục Thống kê		×				
48	0508	Thu nhập quốc gia (GNI)	Tổng cục Thống kê		×				
49	0509	Tỷ lệ thu nhập quốc gia so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
50	0510	Thu nhập quốc gia khả dụng (NDI)	Tổng cục Thống kê		×				
51	0511	Tỷ lệ tiết kiệm so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				
52	0512	Tỷ lệ tiết kiệm so với tích lũy tài sản	Tổng cục Thống kê		×				
53	0513	Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				
54	0514	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	Tổng cục Thống kê		×				
55	0515	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
56		Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Giao thông vận tải	Tổng cục Thống kê			×		Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 quy định "Đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp của dịch vụ logistics vào GDP đạt 5%-6%"
57		Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 quy định "chi phí logistics giảm xuống tương đương 16%-20% GDP"

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
58		Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Tổng cục Thống kê			x		Ngại quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, định hướng các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nêu mục tiêu "Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP"
		06. Tài chính công							
59	0601	Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính		x			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
60	0602	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		x				
61	0603	Tỷ lệ đóng viên thu ngân sách từ thuế, lệ phí so với tổng sản phẩm trong nước Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê	Bộ Tài chính		x			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
62	0604	Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính		x			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bổ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
63	0605	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		x				
64	0606	Bội chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính		x				
65	0607	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		x				
66	0608	Dư nợ của Chính phủ	Bộ Tài chính		x				
67	0609	Dư nợ nước ngoài của quốc gia	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		x				
68	0610	Dư nợ công	Bộ Tài chính		x				
		07. Tiền tệ và bảo hiểm 07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán		Bộ Tài chính					Bổ sung một số chỉ tiêu cơ bản phản ánh thị trường chứng khoán
69	0701	Tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
70		Tỷ lệ tổng phương tiện thanh toán so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			x		Độ sâu tài chính hay tỷ lệ tổng phương tiện thanh toán so với tổng sản phẩm trong nước là một chỉ tiêu vĩ mô dùng để đánh giá khả năng cung ứng vốn của khu vực tài chính đối với nền kinh tế. Chỉ tiêu này được quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN, hàng năm các tổ chức quốc tế đều đánh giá sự phát triển thị trường tài chính của các quốc gia trên thế giới thông qua chỉ tiêu này. Như vậy chỉ tiêu này là cần thiết, phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập
71	0702	Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		x				
72	0703	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		x			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
73	0704	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
74	0705	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
75		Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			×		Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
76	0706	Lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×				
77	0707	Cán cân thanh toán quốc tế	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×				
78	0708	Tỷ lệ cán cân vãng lai so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	0709	Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài	Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Phối hợp: Bộ Tài chính.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam				×	Bỏ chỉ tiêu vì chỉ tiêu này đã bao gồm trong cân thanh toán quốc tế
79	0710	Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD) Tỷ giá của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		×			Tên chỉ tiêu hiện tại không phù hợp với chỉ tiêu tỷ giá mà Ngân hàng Nhà nước đang sử dụng để điều hành chính sách tiền tệ hiện nay
80	0711	Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				
81	0712	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ		×			Phù hợp với thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
82		Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII quy định "tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số"
83	0713	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Tổng cục Thống kê	×				
84	0714	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ		×			Phù hợp với thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
85		Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
86		Tỷ lệ vốn hóa thị trường cổ phiếu so với tổng sản phẩm trong nước	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
87		Tốc độ tăng giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
88		Giá trị huy động vốn qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
89		Quy mô thị trường trái phiếu so với tổng sản phẩm trong nước	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyet lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030
90		Tốc độ tăng quy mô thị trường trái phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyet lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030
91		Tổng giá trị phát hành trái phiếu	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính			×		Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyet lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
92	0801	Diện tích gieo trồng cây hàng năm Diện tích cây hàng năm	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Chỉ tiêu "diện tích cây hàng năm" bao gồm thông tin về: Diện tích gieo trồng cây hàng năm, diện tích thu hoạch cây hàng năm, diện tích cho sản phẩm cây hàng năm nhưng không thu hoạch, diện tích mất trắng cây hàng năm
93	0802	Diện tích cây lâu năm	Tổng cục Thống kê		×				
94	0803	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				
95	0804	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				
96	0806	Số lượng gia súc, gia cầm và vật nuôi khác Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành
97	0807	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
98	0808	Diện tích rừng trồng mới tập trung	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				
99	0809	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				
100	0810	Diện tích nuôi trồng thủy sản Diện tích thu hoạch thủy sản	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế
101	0811	Sản lượng thủy sản	Tổng cục Thống kê		×				
102	0812	Số lượng và công suất tại thủy điện có động cơ khai thác hải sản Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với quy định của Luật Thủy sản 2017

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
103	0805	Cân đối một số nông sản chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				
104		Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		Chỉ tiêu này thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
105		Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			×		Chỉ tiêu này thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
		09. Công nghiệp							
106	0901	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tổng cục Thống kê		×				
107	0902	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
108	0903	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản phẩm công nghệ cao Tỷ trọng giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp công nghệ cao trong tổng giá trị ngành công nghiệp công nghệ cao	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính	Tổng cục Thống kê		×			Tổng hợp theo tiêu chí của Tổ chức Phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO) về ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ trung bình và công nghệ thấp.
-	0904	Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê					×	Bỏ chỉ tiêu vì chỉ tiêu này đã nằm trong phân tổ của chỉ tiêu "Tỷ trọng công nghiệp chế biến trong tổng sản phẩm trong nước"
109	0905	Giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến theo sức mua tương đương Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người theo sức mua tương đương	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam quy định tên ngành cấp 2 đầy đủ là công nghiệp chế biến, chế tạo
110	0906	Chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
111	0907	Chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	Tổng cục Thống kê		×				
112	0908	Cân đối một số năng lượng chủ yếu	Tổng cục Thống kê		×				
113	0909	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	- Chủ trì: Bộ Công thương; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				
		10. Thương mại, dịch vụ							
114	1001	Doanh thu bán lẻ hàng hoá	Tổng cục Thống kê		×				
115	1002	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tổng cục Thống kê		×				
116	1003	Doanh thu dịch vụ khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ, ngành có quản lý dịch vụ	Tổng cục Thống kê	×				
117		Doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ,	Tổng cục Thống kê			×		Hoạt động kinh doanh bất động sản ngày càng phát triển, ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
			ngành quản lý dịch vụ						
118	1004	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Bộ Công Thương		x				
119	1005	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính		x			- Thuật ngữ "Trị giá" phản ánh giá trị bằng tiền của hàng hóa và dịch vụ trong khi "giá trị" có nghĩa rất rộng có thể là giá trị về vật chất hoặc tinh thần hoặc phản ánh hiệu lực của một vấn đề (ví dụ hợp đồng hết giá trị),... - Phù hợp với quy định về trị giá hải quan được sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
120	1006	Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		x				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
121	1007	Xuất siêu, nhập siêu hóa Cán cân thương mại hàng hóa	Tổng cục Thống kê	Bộ Tài chính		×			Tên chỉ tiêu “Xuất siêu, nhập siêu hàng hóa” không thể hiện được hết 03 trạng thái: Thặng dư (xuất siêu), thâm hụt (nhập siêu) và cân bằng của cán cân thương mại hàng hóa.
122	1008	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ Trị giá dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ, ngành có quản lý dịch vụ	Tổng cục Thống kê		×			Thuật ngữ “Trị giá” phản ánh giá trị bằng tiền của hàng hóa và dịch vụ trong khi “giá trị” có nghĩa rất rộng có thể là giá trị về vật chất hoặc tinh thần hoặc phản ánh hiệu lực của một vấn đề (ví dụ hợp đồng hết giá trị),...
123	1009	Xuất siêu, nhập siêu dịch vụ Cán cân thương mại dịch vụ	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế
	1010	Tỷ trọng giá trị hàng xuất khẩu đã qua chế biến trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	1011	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng
	1012	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu khoáng sản trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng
	1013	Tỷ trọng giá trị nhập khẩu tư liệu sản xuất trong tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê				×	Bỏ chỉ tiêu vì đã công bố số liệu của các nhóm hàng này. Người sử dụng số liệu có thể tính các chỉ tiêu này linh hoạt theo nhu cầu sử dụng
		11. Giá cả 11. Chỉ số giá		Tổng cục Thống kê					Cụm từ "Giá cả" không phù hợp trong văn viết
124	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê		×				
125	1102	Chỉ số lạm phát cơ bản	Tổng cục Thống kê		×				
126	1103	Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
127	1104	Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Sửa tên chỉ tiêu ngắn gọn, nội dung chỉ tiêu không thay đổi
128	1105	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản pháp luật hiện hành
	1106	Chỉ số giá xây dựng	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng				×	Chuyển thành chỉ tiêu ngành Xây dựng do Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì tính toán, công bố chỉ số giá xây dựng quốc gia theo pháp luật Xây dựng
129	1107	Chỉ số giá bất động sản	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Xây dựng		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
130	1108	Chỉ số giá tiền lương	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cục Thống kê	×				Bổ sung cơ quan phối hợp thực hiện (Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung
131	1109	Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính		×				
132	110	Tỷ giá thương mại	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính		×				Bộ Tài chính đề xuất sửa tên chỉ tiêu thành "Tỷ lệ trao đổi thương mại quốc tế" tuy nhiên Tổng cục Thống kê cho rằng nên giữ nguyên tên chỉ tiêu vì nội hàm chỉ tiêu không thay đổi
		12. Giao thông vận tải							
133	1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tổng cục Thống kê		×				
134	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê		×				
135	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
136	1204	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Bộ Giao thông vận tải		x				
137	1205	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải		x				
138	1206	Số lượng, năng lực vận chuyển hiện có và mới tăng của cảng hàng không Số lượng, năng lực khai thác hiện có và mới tăng của cảng hàng không	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải		x			Phù hợp với tình hình thực tế
139		Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng biển	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
140		Chiều dài đường sắt hiện có và năng lực tăng thêm	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
141		Chiều dài đường cao tốc	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
142		Chiều dài đường quốc lộ	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải			x		Hoàn thiện các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
		13. Công nghệ thông tin và truyền thông Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông		Ông Trần Văn Duy, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam					Sửa tên nhóm để bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông
143	1301	Doanh thu bưu chính Doanh thu dịch vụ bưu chính	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
144	1302	Sản lượng bưu chính Sản lượng phát Sản lượng dịch vụ bưu chính	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
145	1303	Doanh thu viễn thông Doanh thu dịch vụ viễn thông	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Phù hợp với văn bản pháp luật chuyên ngành
146	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
147	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Tổng cục Thống kê Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	×				Giữ nguyên tên chỉ tiêu nhưng thay đổi cơ quan thực hiện cho phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung. Chỉ tiêu này thu thập qua điều tra thống kê mới đảm bảo độ tin cậy và được công nhận rộng rãi ở trong và ngoài nước. Tổng cục Thống kê là cơ quan nhà nước có chuyên môn sâu và có khả năng tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê ở mọi quy mô

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
148	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Thông tin và Truyền thông	x				Giữ nguyên tên chỉ tiêu nhưng thay đổi cơ quan thực hiện cho phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung. Chỉ tiêu này thu thập qua điều tra thống kê mới đảm bảo độ tin cậy và được công nhận rộng rãi ở trong và ngoài nước. Tổng cục Thống kê là cơ quan nhà nước có chuyên môn sâu và có khả năng tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê ở mọi quy mô

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
149	1307	Số lượng thuê bao truy nhập Internet Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			- Đồng bộ với quốc tế để thuận lợi cho việc thu thập số liệu cung cấp cho Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) và cũng để đảm bảo công bằng trong đánh giá, xếp hạng Việt Nam về Bộ chỉ số Phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu (IDI) và một số chỉ số liên quan khác - Mặt khác, trước đây quy ước băng hẹp là loại có tốc độ dưới 256Kbps, băng rộng là tốc độ từ 256Kbps trở lên. Hiện nay trên thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp chỉ còn cung cấp dịch vụ băng rộng (kể cả cố định và di động)

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
150	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Tổng cục Thống kê Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	×				Giữ nguyên tên chỉ tiêu nhưng thay đổi cơ quan thực hiện cho phù hợp với thực tiễn và đảm bảo hiệu quả chung. Chỉ tiêu này thu thập qua điều tra thống kê mới đảm bảo độ tin cậy và được công nhận rộng rãi ở trong và ngoài nước. Tổng cục Thống kê là cơ quan nhà nước có chuyên môn sâu và có khả năng tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê ở mọi quy mô
151	1309	Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử Số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương	Bộ Công thương		×			Phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 của Điều 2 Luật Thương mại và các văn bản hợp nhất, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại
152	1310	Dung lượng kết nối Internet quốc tế bình quân một năm Dung lượng băng thông Internet quốc tế	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			Đây là chỉ tiêu thuộc bộ chỉ số IDI của ITU. Tên chỉ tiêu cần đồng bộ với tên gọi quốc tế để thuận lợi trong việc thu thập số liệu và cung cấp cho ITU

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
153	1311	Doanh thu công nghệ thông tin Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông		×			- Phù hợp với Luật Công nghệ thông tin năm 2016 - Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 52-NQ/TW)
154		Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
155		Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (IDI) của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) - Thuộc bộ chỉ tiêu đánh giá Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) - Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 02/NQ-CP) - Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019
156		Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
157		Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Thuộc Bộ chỉ tiêu IDI của ITU - Thuộc Bộ chỉ tiêu GIU của WIPO - Nghị quyết số 02/NQ-CP - Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
158		Lưu lượng Internet băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Phản ánh tổng lượng thông tin số được trao đổi (gửi, nhận) của người sử dụng internet của Việt Nam - Là chỉ tiêu thuộc Bộ chỉ số phát triển CNTT và truyền thông của Liên minh viễn thông quốc tế (ITU)
159		Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Thể hiện mức độ ứng dụng công nghệ (chữ ký số) để đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân, trong đó có các cơ quan nhà nước.
160		Tỷ lệ người dân biết kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		- Thuộc Bộ chỉ tiêu IDI của ITU - Thuộc Bộ chỉ tiêu GII của WPO - Thuộc Bộ chỉ tiêu đánh giá Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) - Thuộc Bộ chỉ tiêu đánh giá Sản phẩm cho nền sản xuất tương lai (FOP) của WEF

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
161		Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Phòng - Cục Thống kê Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			x		Đánh giá hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến 2025 (viết gọn là Nghị quyết số 17/NQ-CP)
162		Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			x		Đánh giá hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 17/NQ-CP
163		Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			x		- Nghị quyết số 17/NQ-CP - Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 (Khoản 2, Mục III)

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
164		Tỷ lệ người Việt Nam đọc báo, tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025
165		Chi cho chuyển đổi số	Tổng cục Thống kê	Bộ Thông tin và Truyền thông			×		Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
		14. Khoa học và công nghệ							
166	1401	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ		×				
167	1402	Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				
168	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê		×				
169	1404	Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ	Bộ Khoa học và Công nghệ		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	1405	Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ				×	- Đổi mới công nghệ, thiết bị chỉ là một phần của hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, không mang tính bao quát. Hiện nay, Bộ KH&CN đang triển khai thực hiện chỉ tiêu "Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới sáng tạo" theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN và phân công thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia - Dữ liệu để tính toán chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị không đầy đủ, không đồng nhất nên việc tính toán chỉ số này không khả thi trong thực tế
170	1406	Tỷ lệ chi đổi mới công nghệ so với tổng vốn cố định của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu			Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	
171	1407	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính		x			
		15. Giáo dục						
172	1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo		x			
173	1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo		x			
174	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.		x			
175		Số sinh viên đại học trên mười nghìn dân	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo.				x	Bổ sung chỉ tiêu để phản ánh đầy đủ theo cấp học: Giáo dục phổ thông và đại học
		16. Y tế và chăm sóc sức khỏe						
176	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế		x			

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
177	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê	Đại học Kinh tế quốc dân	x				
178	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê		x				
179	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê		x				
180	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế		x				
181	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế		x				
182	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế		x				
183	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế		x				
184		Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế	Bộ Thông tin và Truyền thông			x		Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
		17. Văn hóa, thể thao và du lịch							
185	1701	Số di sản văn hóa cấp quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
186	1702	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
187	1703	Doanh thu dịch vụ du lịch lẻ hành	Tổng cục Thống kê		×				
188	1704	Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam Số lượt người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Quốc phòng		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
189	1705	Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài Số lượt công dân Việt Nam xuất cảnh	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	Bộ Quốc phòng		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
190	1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
191	1707	Chỉ tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	Tổng cục Thống kê		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
192	1708	Chỉ tiêu của khách du lịch nội địa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		x				
		18. Mức sống dân cư							
193	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê		x				
194	1802	Tỷ lệ nghèo Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		x			Ng nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII quy định tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1.5% hàng năm
195		Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê	Tổng cục Thống kê			x		Chỉ tiêu thuộc bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu (SDG)
196	1803	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)	Tổng cục Thống kê		x				
197	1804	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng		x				
198		Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			x		Thống kê đầy đủ tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn sử dụng nước sạch

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
199	1805	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê		×				
200	1806	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê		×				
		19. Trật tự, an toàn xã hội và tư pháp							
201	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an		×				
202	1902	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại Số vụ cháy, nổ; số người chết, bị thương và thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra	Bộ Công an	Bộ Công an		×			Bảo đảm rõ ràng, thuận tiện trong quá trình thực hiện thống kê
203		Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được	Bộ Công an	Bộ Công an			×		Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy
204		Hệ số an toàn giao thông đường bộ	Bộ Công an	Bộ Công an			×		Phản ánh mức độ an toàn giao thông đường bộ trong mỗi hệ với quy mô dân số và phương tiện giao thông

Stt	Mã số QG 2015	Chi tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
205	1903	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao		×				
206	1904	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao		×				
207	1905	Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án Số vụ, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Tòa án nhân dân tối cao	- Tòa án nhân dân tối cao - Tổng cục Thống kê		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
208	1906	Tỷ lệ dân số từ mười lăm tuổi trở lên bị bạo lực	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		×				
209	1907	Số lượt người được trợ giúp pháp lý Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp		×			Phù hợp với tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành
210	1908	Kết quả thi hành án dân sự Kết quả thi hành án dân sự, hành chính	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp		×			Thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính
		20. Bảo vệ môi trường							
211	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
	2002	Diện tích rừng được bảo vệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				×	Hiện nay, cơ bản diện tích rừng đã được giao cho các chủ rừng (tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng) quản lý, đối với diện tích còn lại hiện Ủy ban nhân dân xã đang được giao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng. Do đó, diện tích rừng được bảo vệ sẽ lấy theo diện tích hiện trạng rừng hằng năm (số liệu lấy theo chỉ tiêu Diện tích rừng hiện có)
212	2003	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				
213	2004	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		×				
214	2005	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường		×				

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
215		Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tổng cục Thống kê			×		Chỉ tiêu này phân tổ trên cạn và biển để theo dõi mục tiêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 (mục tiêu "Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia")
216	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường		×				
217	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế		×				
218		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường			×		Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia đề xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
219		Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường			×		Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nêu định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 trong đó quy định "tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%"
220		Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương	Bộ Tài nguyên và Môi trường			×		Luật Bảo vệ môi trường

Stt	Mã số QG 2015	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện	Cơ quan, chuyên gia để xuất sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung, bỏ chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu				Lý do đề xuất
					Giữ nguyên	Sửa tên	Bổ sung	Bỏ	
221	2008	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương		x				
222		Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM _{2,5} và PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường			x		Phục vụ việc theo dõi, đánh giá chất lượng không khí

100	100	100	100	100	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100
100	100	100	100	100	100	100	100

Phụ lục II
DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ÁNH CHÍNH SÁCH
PHÁP LUẬT TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY

(Kèm theo Báo cáo số: ~~37~~/BC-CP ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ)

Stt	Nội dung	Số chỉ tiêu	Trang
1	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng XIII	18	3
2	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030	17	5
3	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đánh giá thực hiện nội dung nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững	55	7
4	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số	23	11
5	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đánh giá thực trạng thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics	12	13
6	Giới và bình đẳng giới		14
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh, đánh giá về giới và bình đẳng giới tại Việt Nam	26	
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới toàn cầu	10	
7	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu	34	17
8	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê khu vực ASEAN	29	19
9	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu		21
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông	5	
-	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu	3	
10	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế xanh, tăng trưởng xanh	24	22

Stt	Nội dung	Số chỉ tiêu	Trang
11	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế tuần hoàn	5	24
12	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh kinh tế bao trùm	7	25
13	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh môi trường và biến đổi khí hậu	12	26
14	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh vùng, liên kết vùng	130	27
15	Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh liên quan đến trẻ em	11	36

1. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ÁNH MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG XIII

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 18 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0114	Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng
3	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
4	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
6	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
7	0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
8	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
9	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
10	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
11	0517	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
12	0714	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	Tổng cục Thống kê
13	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
14	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
15	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
16	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
18	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ

2. DANH MỤC CHỈ TIÊU THÔNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ÁNH MỤC CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2021-2030

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 17 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0114	Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng
3	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
4	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
6	0402	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
7	0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
8	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
9	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
10	0512	Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
11	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
12	0517	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
13	0610	Dư nợ công	Bộ Tài chính
14	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
15	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
17	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

3. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 55 chỉ tiêu	
1	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế
2	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
3	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
4	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
5	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê
6	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
7	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
8	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
9	0209	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
10	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
11	0211	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
12	0212	Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
13	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê
14	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
15	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
16	0513	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	Tổng cục Thống kê
17	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
18	0707	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
19	0713	Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
20	0715	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
21	0813	Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê
22	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
23	0904	Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người theo sức mua tương đương	Tổng cục Thống kê
24	1006	Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
25	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê
26	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
27	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
28	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
29	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
30	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê
31	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
32	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê
33	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
34	1406	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính
35	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
36	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
37	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
38	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
39	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
40	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
41	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
42	1805	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
43	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
44	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
45	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
46	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
47	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
48	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
49	2004	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
50	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
51	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
52	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế
53	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
54	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
55	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

4. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 23 chỉ tiêu	
1	0517	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
2	0707	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3	1303	Doanh thu dịch vụ viễn thông	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
4	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
5	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
6	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
7	1307	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
8	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
9	1309	Số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương
10	1310	Dung lượng băng thông Internet quốc tế	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
11	1311	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
12	1312	Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
13	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
14	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê
15	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
16	1316	Lưu lượng Internet băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông
17	1317	Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Bộ Thông tin và Truyền thông
18	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê
19	1319	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
20	1320	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
21	1321	Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
22	1323	Chi cho chuyển đổi số	Tổng cục Thống kê
23	1609	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế

**5. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
LOGISTICS**

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 12 chỉ tiêu	
1	0515	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Giao thông vận tải
2	0516	Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
3	1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tổng cục Thống kê
4	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
5	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
6	1204	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Bộ Giao thông vận tải
7	1205	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải
8	1206	Số lượng, năng lực khai thác hiện có và mới tăng của cảng hàng không	Bộ Giao thông vận tải
9	1207	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng biển	Bộ Giao thông vận tải
10	1208	Chiều dài đường sắt hiện có và năng lực tăng thêm	Bộ Giao thông vận tải
11	1209	Chiều dài đường cao tốc	Bộ Giao thông vận tải
12	1210	Chiều dài đường quốc lộ	Bộ Giao thông vận tải

6. GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

6.1. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia phản ánh, đánh giá về giới và bình đẳng giới tại Việt Nam

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 26 chỉ tiêu	
1	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
2	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế
3	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê
4	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
5	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê
6	0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp
7	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
8	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
9	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
11	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
12	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
13	0209	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
14	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
15	0211	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
16	0212	Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
17	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
18	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
20	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
21	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
22	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
23	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
24	1905	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
25	1906	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
26	1908	Tỷ lệ dân số bị bạo lực	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

6.2. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng với các chỉ tiêu thống kê giới toàn cầu

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 10 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
3	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
4	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
5	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
6	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
7	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
8	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
9	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
10	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê

**7. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN CẦU**

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 34 chỉ tiêu	
1	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
2	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Y tế.
3	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
4	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
5	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
6	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
7	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
8	0211	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
9	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
10	0602	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
11	0707	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
12	0813	Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê
13	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
14	0904	Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người theo sức mua tương đương	Tổng cục Thống kê
15	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
16	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
17	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
18	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	1319	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
20	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
21	1406	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính
22	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
23	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
24	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
25	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
26	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
27	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
28	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
29	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
30	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an
31	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
32	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
33	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
34	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

8. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ KHU VỰC ASEAN

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 29 chỉ tiêu	
1	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
2	0201	Lực lượng lao động	Tổng cục Thống kê
3	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
4	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
5	0208	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Tổng cục Thống kê
6	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
7	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê
8	0507	Thu nhập quốc gia (GNI)	Tổng cục Thống kê
9	0601	Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu	Bộ Tài chính
10	0604	Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Bộ Tài chính
11	0608	Dư nợ của Chính phủ	Bộ Tài chính
12	0609	Dư nợ nước ngoài của quốc gia	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
13	0708	Lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
14	0711	Tỷ giá của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
15	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê
16	1105	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Tổng cục Thống kê
17	1107	Chỉ số giá tiền lương	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
18	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
20	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
21	1602	Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống	Tổng cục Thống kê
22	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
23	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
24	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
25	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
26	1805	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
27	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
28	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
29	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

9. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA TƯƠNG ỨNG BỘ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, BỘ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN CẦU

9.1. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (IDI)

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 5 chỉ tiêu	
1	1307	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
2	1310	Dung lượng băng thông Internet quốc tế	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
3	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
4	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
5	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê

9.2. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia tương ứng bộ chỉ tiêu đánh giá đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 3 chỉ tiêu	
1	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
2	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
3	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê

10. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH KINH TẾ XANH, TĂNG TRƯỞNG XANH

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 24 chỉ tiêu	
1	0101	Diện tích và cơ cấu đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
3	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê
4	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
5	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
6	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê
7	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
8	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
9	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
10	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
11	0512	Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
12	0513	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	Tổng cục Thống kê
13	0514	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	Tổng cục Thống kê
14	0715	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
15	0807	Diện tích rừng trồng mới tập trung	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê
17	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
18	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
19	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
20	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
23	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
24	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

11. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH KINH TẾ TUẦN HOÀN

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 5 chỉ tiêu	
1	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
2	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế
3	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
5	2010	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương

12. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH KINH TẾ BAO TRÙM

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 7 chỉ tiêu	
1	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
2	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3	0207	Năng suất lao động	Tổng cục Thống kê
4	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
5	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
6	1801	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Tổng cục Thống kê
7	1804	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)	Tổng cục Thống kê

13. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 12 chỉ tiêu	
1	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	2004	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
5	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
6	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
7	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế
8	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
9	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
10	2010	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương
11	2011	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương
12	2012	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM _{2,5} và PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Bộ Tài nguyên và Môi trường

14. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA PHẢN ẢNH VÙNG, LIÊN KẾT VÙNG

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 130 chỉ tiêu	
1	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
2	0103	Tỷ số giới tính khi sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Y tế
3	0104	Tỷ suất sinh thô	Tổng cục Thống kê
4	0105	Tổng tỷ suất sinh	Tổng cục Thống kê
5	0106	Tỷ suất chết thô	Tổng cục Thống kê
6	0107	Tỷ lệ tăng dân số	Tổng cục Thống kê
7	0108	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Tổng cục Thống kê
8	0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tổng cục Thống kê
9	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê
10	0111	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp
11	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
12	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Bộ Công an, Bộ Y tế.
13	0114	Tỷ lệ đô thị hóa	Bộ Xây dựng
14	0201	Lực lượng lao động	Tổng cục Thống kê
15	0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Tổng cục Thống kê
16	0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	- Tổng cục Thống kê; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
17	0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Tổng cục Thống kê
18	0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
19	0206	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức	Tổng cục Thống kê
20	0209	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
21	0301	Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở kinh tế	Tổng cục Thống kê
22	0302	Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp	Bộ Nội vụ
23	0303	Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Tổng cục Thống kê
24	0304	Số doanh nghiệp, lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tài chính.
25	0305	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê
26	0306	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	Tổng cục Thống kê
27	0401	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Tài chính
28	0405	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
29	0406	Số lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
30	0407	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Xây dựng.
31	0408	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
32	0409	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	- Chủ trì: Bộ Xây dựng - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
33	0501	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
34	0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
35	0504	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người	Tổng cục Thống kê
36	0515	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Giao thông vận tải
37	0516	Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước	Tổng cục Thống kê
38	0604	Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Bộ Tài chính
39	0705	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
40	0706	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
41	0713	Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
42	0714	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	Tổng cục Thống kê
43	0715	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
44	0716	Thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
45	0801	Diện tích cây hàng năm	Tổng cục Thống kê
46	0802	Diện tích cây lâu năm	Tổng cục Thống kê
47	0803	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
48	0804	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Tổng cục Thống kê
49	0805	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
50	0806	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tổng cục Thống kê
51	0807	Diện tích rừng trồng mới tập trung	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
52	0808	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
53	0809	Diện tích thu hoạch thủy sản	Tổng cục Thống kê
54	0810	Sản lượng thủy sản	Tổng cục Thống kê
55	0811	Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ	Tổng cục Thống kê
56	0813	Tỷ lệ mất an ninh lương thực	Tổng cục Thống kê
57	0814	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	Tổng cục Thống kê
58	0901	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tổng cục Thống kê
59	0908	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	- Chủ trì: Bộ Công thương; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
60	1001	Doanh thu bán lẻ hàng hoá	Tổng cục Thống kê
61	1002	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tổng cục Thống kê
62	1003	Doanh thu dịch vụ khác	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ, ngành có quản lý dịch vụ
63	1005	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Bộ Công Thương
64	1006	Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
65	1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tổng cục Thống kê
66	1102	Chỉ số lạm phát cơ bản	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
67	1103	Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian	Tổng cục Thống kê
68	1104	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất	Tổng cục Thống kê
69	1105	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	Tổng cục Thống kê
70	1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tổng cục Thống kê
71	1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
72	1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tổng cục Thống kê
73	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
74	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
75	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.
76	1307	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Tổng cục Thống kê
77	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
78	1309	Số thương nhân có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương
79	1311	Doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
80	1313	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính	Tổng cục Thống kê
81	1314	Tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động	Tổng cục Thống kê
82	1315	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	Bộ Thông tin và Truyền thông
83	1318	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Tổng cục Thống kê
84	1319	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
85	1320	Số dịch vụ hành chính công có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Bộ Thông tin và Truyền thông
86	1321	Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông
87	1322	Tỷ lệ người Việt Nam đọc báo, tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông
88	1401	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
89	1406	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính
90	1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo
91	1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo
92	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
93	1504	Số sinh viên đại học trên mười nghìn dân	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
94	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
95	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
96	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
97	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
98	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
99	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
100	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
101	1609	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Bộ Y tế
102	1703	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tổng cục Thống kê
103	1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
104	1708	Chỉ tiêu của khách du lịch nội địa	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
105	1802	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
106	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê
107	1804	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)	Tổng cục Thống kê
108	1805	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
109	1806	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
110	1807	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
111	1808	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	Tổng cục Thống kê
112	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an
113	1902	Số vụ cháy, nổ; số người chết, bị thương và thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra	Bộ Công an
114	1903	Số vụ sự cố, số vụ tai nạn, số người cứu được, số thi thể nạn nhân tìm được trong hoạt động của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Bộ Công an
115	1904	Hệ số an toàn giao thông đường bộ	Bộ Công an
116	1905	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
117	1906	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
118	1908	Tỷ lệ dân số bị bạo lực	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
119	1909	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp
120	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
121	2002	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
122	2003	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
123	2004	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
124	2005	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
125	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
126	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
127	2008	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
128	2009	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Khoa học và Công nghệ
129	2010	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Bộ Công Thương
130	2012	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ PM2,5 và PM10 trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Bộ Tài nguyên và Môi trường

15. DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA LIÊN QUAN ĐẾN TRẺ EM

Stt	Mã số	Chỉ tiêu	Cơ quan thực hiện
		Tổng số: 11 chỉ tiêu	
1	0102	Dân số, mật độ dân số	Tổng cục Thống kê
2	0104	Tỷ suất sinh thô	Tổng cục Thống kê
3	0110	Tỷ lệ người khuyết tật	Tổng cục Thống kê
4	0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.
5	1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi	Tổng cục Thống kê
6	1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi	Tổng cục Thống kê
7	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
8	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
9	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
10	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
11	1803	Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều	Tổng cục Thống kê